

Số: /KH-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030

Thực hiện Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phòng bệnh; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân; Quyết định số 1272/QĐ-BYT ngày 06/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai nhiệm vụ khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho người dân; xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 1935/TTr-SYT ngày 22/6/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Người dân được tiếp cận dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới chăm sóc sức khỏe toàn diện lấy phòng bệnh và phát hiện sớm làm trọng tâm. Từ năm 2026, người dân được tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc ít nhất 01 lần/năm theo lộ trình; kết quả được cập nhật vào sổ/hồ sơ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời, góp phần giảm gánh nặng chi phí y tế. Việc hỗ trợ chi phí thực hiện theo quy định và theo từng nhóm đối tượng, nguồn kinh phí.

2. Mục tiêu cụ thể¹:

Đến năm 2030 đạt được các chỉ tiêu như sau:

- Đạt 100% nhóm người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu được khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần.

- Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông được khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần (thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP).

¹ Hằng năm, Sở Y tế chủ trì, phối hợp các ngành, địa phương điều chỉnh các chỉ tiêu cho phù hợp lộ trình và tình hình thực tế của địa phương.

- Người lao động được khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần (thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP).

- Đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý được khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 1 lần (thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP).

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi: Triển khai trên phạm vi toàn tỉnh.

2. Đối tượng: Tất cả người dân sống trên địa bàn tỉnh, gồm các nhóm đối tượng sau:

- Nhóm 1: Người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn², đặc khu.

- Nhóm 2: Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông.

- Nhóm 3: Người lao động.

- Nhóm 4: Các đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý.

- Nhóm 5: Các đối tượng không thuộc các nhóm trên (trong quá trình thực hiện, trên cơ sở điều kiện thực tiễn, quy định của Trung ương và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các đối tượng khác theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ).

3. Thời gian thực hiện: Từ Năm 2026 đến năm 2030.

4. Lộ trình ưu tiên khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí

4.1. Nhóm đối tượng ưu tiên tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần

STT	Nhóm	Đối tượng	Lộ trình thực hiện (năm)	Kết quả
1	Nhóm 1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	Từ năm 2026	100%
2		Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	Từ năm 2026	100%
3		Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó	Từ năm 2026	100%

² Theo Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

		khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)		
4		Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi	Từ năm 2027	100%
5		Người thuộc hộ cận nghèo	Từ năm 2027	100%
6		Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi	Từ năm 2028	100%
7		Người có công, người mắc bệnh mạn tính	Từ năm 2028	100%
8		Người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ các đối tượng trên)	Từ năm 2029-2030	100%

4.2. Nhóm đối tượng thuộc Cơ sở giáo dục tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học

STT	Nhóm	Đối tượng	Lộ trình thực hiện (năm)	Kết quả
1	Nhóm 2	Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông	Từ đầu năm học 2026 - 2027	Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP

4.3. Nhóm đối tượng được người sử dụng lao động tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

STT	Nhóm	Đối tượng	Lộ trình thực hiện (năm)	Kết quả
1	Nhóm 3	Người lao động	Từ năm 2026	Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP

4.4. Nhóm đối tượng được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định của pháp luật

STT	Nhóm	Đối tượng	Lộ trình thực hiện (năm)	Kết quả
1	Nhóm 4	Các đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý	Từ năm 2026	Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP

4.5. Nhóm đối tượng cần có lộ trình thực hiện

STT	Nhóm	Đối tượng	Lộ trình thực hiện (năm)	Kết quả
1	Nhóm 5	Các đối tượng không thuộc các nhóm trên	Trong quá trình thực hiện, trên cơ sở điều kiện thực tiễn, quy định của Trung ương và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các đối tượng khác theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ	

5. Việc tổ chức hoạt động khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần cho các đối tượng trên được thực hiện phối hợp giữa hoạt động khám bệnh nghề nghiệp hoặc khám sức khỏe hoặc khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc hoặc kiểm tra sức khỏe đầu năm học hoặc khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật để khám bệnh miễn phí và hoàn thành việc tạo lập sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân.

6. Căn cứ vào điều kiện kinh tế-xã hội trong từng thời kỳ, khả năng cân đối ngân sách địa phương và nguồn huy động hợp pháp, UBND tỉnh xem xét mở rộng đối tượng và phạm vi nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí trên địa bàn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH

1. Tổ chức rà soát, truyền thông tư vấn

- Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ: các sở, ban ngành, UBND các xã, phường, đặc khu tổ chức rà soát, lập danh sách đối tượng cần phải khám thuộc diện quản lý, đang cư trú trên địa bàn để xây dựng kế hoạch tổ chức truyền thông, tư vấn, khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí.

- Đẩy mạnh truyền thông về lợi ích của khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc miễn phí, vận động các đối tượng đến các điểm khám trên địa bàn; thông báo

công khai rộng rãi lịch khám, các địa điểm tổ chức khám để người dân biết hướng ứng tích cực tham gia đảm bảo tiến độ.

2. Tổ chức khám

2.1. Nội dung khám

- Nội dung khám: Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn khám sức khỏe định kỳ của Bộ Y tế³.

- Biểu mẫu khám: Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

2.2. Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và địa điểm khám

2.2.1. Nhóm 1

- Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện: UBND các xã, phường, đặc khu chủ trì phân loại đối tượng, xây dựng kế hoạch triển khai, tổ chức thực hiện theo lộ trình ưu tiên, phối hợp với các cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện theo quy định của pháp luật để thực hiện khám sức khỏe cho người dân.

- Địa điểm khám:

+ Đối với trẻ em dưới 6 tuổi: Thực hiện khám tại Trạm Y tế cấp xã, nội dung khám theo Quyết định số 1675/QĐ-BYT ngày 10/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi và hướng dẫn có liên quan.

+ Các đối tượng còn lại thực hiện khám tại Cơ sở khám bệnh chữa bệnh (Trung tâm Y tế, Bệnh viện) đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe. Ưu tiên tổ chức tại Trạm Y tế xã, phường, đặc khu là điểm khám lưu động khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định. Nội dung khám theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Công văn số 3401/BYT-KCB ngày 12/5/2026 về hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho người dân và các quy định có liên quan.

+ Hoặc tại địa điểm khám lưu động được bố trí hợp lý, đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định.

- Phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh sắp xếp lịch khám đảm bảo phù hợp, tránh quá tải và thuận tiện cho người dân. Tổ chức khám theo nội dung chuyên môn nêu trên phù hợp đối với từng nhóm đối tượng để đánh giá tình trạng sức khỏe hoặc phân loại sức khỏe; phát hiện sớm nguy cơ mắc bệnh và người mắc bệnh theo nhóm đối tượng; tư vấn phòng bệnh, điều trị hoặc chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp theo quy định.

2.2.2. Nhóm 2

- Cơ sở giáo dục tiếp tục tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho học sinh, sinh viên theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học.

³ Công văn số 3401/BYT-KCB ngày 12/5/2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho người dân.

- Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện: Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT phối hợp với các Cơ sở khám chữa bệnh tổ chức khám sức khỏe cho học sinh.

- Địa điểm khám:

- + Tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe.

- + Hoặc tại địa điểm khám lưu động được bố trí hợp lý, thuận tiện, đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định.

2.2.3. Nhóm 3

- Người sử dụng lao động tiếp tục tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho đối tượng người lao động thuộc thẩm quyền quản lý quy định tại điểm c khoản 2 Điều 69 Nghị định 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Phối hợp với các cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định để thực hiện khám.

- Địa điểm khám:

- + Tại cơ sở khám chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe.

- + Hoặc tại địa điểm khám lưu động, nơi người lao động làm việc được bố trí hợp lý, thuận tiện cho người lao động, bảo đảm an toàn, đủ điều kiện khám sức khỏe theo quy định.

2.2.4. Nhóm 4

Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

2.2.5. Nhóm 5

Trong quá trình thực hiện, trên cơ sở điều kiện thực tiễn, quy định của Trung ương và khả năng cân đối ngân sách tỉnh, UBND tỉnh sẽ tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các đối tượng khác theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

2.3. Nhập kết quả, thống kê báo cáo, lưu trữ hồ sơ khám sức khỏe

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chịu trách nhiệm khám theo quy định và nhập kết quả khám ngay sau khi kết thúc khám vào hệ thống dữ liệu khám sức khỏe/hồ sơ sức khỏe điện tử tại đơn vị; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng hoặc Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trên địa bàn để được hướng dẫn về việc cập nhật số liệu.

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phải đảm bảo hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, cấu hình phần mềm hệ thống cập nhật biểu mẫu khám theo đúng quy định và phục vụ nhu cầu kết nối liên thông dữ liệu khi có hướng dẫn của Bộ Y tế và phân công nhân sự cập nhật dữ liệu hệ thống. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng bộ về dữ liệu khám sức khỏe.

- Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu: Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, lưu trữ hồ sơ theo quy định.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần cho người dân trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 theo Kế hoạch này được bảo đảm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật Phòng bệnh, trong đó:

1. Ngân sách nhà nước thanh toán chi phí khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Kinh phí chi trả cho hoạt động kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho đối tượng thuộc Cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học.

3. Người sử dụng lao động chi trả chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định pháp luật về lao động, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

4. Quỹ bảo hiểm y tế chi trả cho một số đối tượng trong các đối tượng quy định tại các điểm a và điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định 165/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ và lộ trình ưu tiên theo lộ trình tăng mức đóng bảo hiểm y tế phù hợp với khả năng cân đối của Quỹ bảo hiểm y tế, ngân sách nhà nước chi trả cho các đối tượng và phân chi phí Quỹ bảo hiểm y tế chưa chi trả.

(Bảng dự toán kinh phí tại phụ lục 1,2,3 kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Là cơ quan Thường trực, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu để hướng dẫn, tổ chức triển khai, điều phối thực hiện lộ trình khám sức khỏe tại Kế hoạch này; đảm bảo gắn kết, lồng ghép chặt chẽ với các đề án, kế hoạch khác có liên quan.

- Chủ động triển khai Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ. Chủ trì, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng lộ trình nhóm đối tượng ưu tiên được Quỹ bảo hiểm y tế chi trả trong khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc.

- Hướng dẫn chuyên môn, nội dung gói khám sức khỏe, sàng lọc, quản lý sức khỏe theo từng nhóm đối tượng; ban hành các biểu mẫu, quy trình chuyên môn theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở y tế tổ chức thực hiện hoạt động khám theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế; bảo đảm chất lượng chuyên môn, điều kiện về nhân lực, thiết bị y tế, kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn cấp cứu (đặc biệt khi khám lưu động).

- Triển khai kết nối liên thông dữ liệu khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc theo hướng dẫn của Bộ Y tế nhằm quản lý, khai thác hiệu quả dữ liệu sức khỏe người dân theo vòng đời; trả kết quả khám, tư vấn, hướng dẫn khám chuyên khoa và chuyển tuyến theo quy định khi phát hiện các dấu hiệu bất thường. Kết nối, liên thông với sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID và kho dữ liệu của ngành Y tế (sau khi có hướng dẫn của Bộ Y tế).

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, trách nhiệm của các cấp, các ngành và người dân trong việc tham gia khám sức khỏe định kỳ; cung cấp thông tin về tình hình triển khai và kết quả thực hiện Kế hoạch đến các cơ quan truyền thông; thường xuyên chủ động phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong công tác tuyên truyền, truyền thông.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị rà soát, tổng hợp kinh phí dự toán cho năm tiếp theo để trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định theo đúng quy định.

- Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương rà soát, tổng hợp kết quả khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân trên địa bàn tỉnh; định kỳ tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cấp có thẩm quyền theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế và các địa phương, tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan trong việc xây dựng cơ chế, chính sách tài chính cho hoạt động khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí bảo đảm đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh nghiêm túc thực hiện việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành của người sử dụng lao động trong việc rà soát, lập danh sách đối tượng và tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định tại khoản 1, Điều 21, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, trong đó chú trọng nội dung khám sức khỏe định kỳ; xử lý hoặc kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm.

- Rà soát, tổng hợp, báo cáo tình hình khám sức khỏe đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp xử lý đối với các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Rà soát, lập danh sách, tổng hợp và báo cáo công tác khám sức khỏe đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ động phối hợp với các địa phương chỉ đạo các Cơ sở giáo dục tiếp tục tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho học sinh theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học.

- Rà soát, lập danh sách, tổng hợp và báo cáo các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục sức khỏe học đường; phối hợp với ngành Y tế phát hiện sớm các trường hợp bất thường về sức khỏe, kịp thời tư vấn và chuyển tuyến điều trị theo quy định.

- Phối hợp với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong việc quản lý, cập nhật và khai thác hồ sơ sức khỏe học sinh.

- Phối hợp với ngành Y tế tiếp nhận kết quả khám, kiểm tra sức khỏe người học trên phần mềm; bảo đảm bảo mật thông tin sức khỏe và dữ liệu cá nhân; sử dụng dữ liệu đúng mục đích, đúng thẩm quyền.

- Lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.

6. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân trên địa bàn tỉnh; tập trung tuyên truyền về quyền lợi, trách nhiệm của người dân khi tham gia, lợi ích của việc phát hiện sớm bệnh tật và quản lý sức khỏe theo vòng đời, phù hợp với từng nhóm đối tượng và các cơ chế hỗ trợ theo quy định.

- Chỉ đạo các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của tỉnh; hệ thống thông tin cơ sở, truyền thanh phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí đẩy mạnh tuyên truyền về ý nghĩa, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ và khám sàng lọc, góp phần nâng cao nhận thức, khuyến khích người dân chủ động tham gia; đồng thời, tuyên truyền, vận động các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tạo điều kiện để người lao động tham gia khám sức khỏe, khám sàng lọc theo quy định.

7. Công an tỉnh

- Phối hợp, hỗ trợ ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử vào công tác chuyển đổi số của ngành Y tế nhằm phục vụ có hiệu quả việc thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp rà soát, hướng dẫn kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức độ 2; tích hợp thông tin thẻ Bảo hiểm y tế vào sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID.

- Phối hợp bảo đảm an ninh, an toàn và giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự tại các cơ sở khám, chữa bệnh (nếu có) khi tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.

9. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp Sở Y tế triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân trên địa bàn tỉnh; bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định hiện hành về chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế. Đồng thời, tích hợp, kết nối và liên thông dữ liệu khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc vào kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, phục vụ công tác quản lý, theo dõi, phân tích và hoạch định chính sách y tế.

10. Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi

- Đôn đốc, hướng dẫn doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn quản lý thực hiện tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo Luật An toàn, vệ sinh lao động.

- Phối hợp kiểm tra, giám sát việc chấp hành của người sử dụng lao động trong việc tổ chức thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động; đồng thời, phối hợp tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp xử lý đối với các trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động làm việc tại các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định⁴.

11. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Bảo đảm tiếp nhận, đồng bộ dữ liệu khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế với hệ thống thông tin giám định bảo hiểm y tế; tích hợp trên ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

- Cung cấp số liệu về người tham gia bảo hiểm y tế tại các cơ quan, tổ chức để phục vụ công tác triển khai Kế hoạch.

⁴ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế.

12. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Kế hoạch trên địa bàn quản lý; xây dựng kế hoạch cụ thể hằng năm phù hợp với điều kiện thực tế, phân công rõ trách nhiệm cho các bộ phận chuyên môn, Trạm y tế, các tổ chức có liên quan; đồng thời, phối hợp với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe để tổ chức triển khai khám sức khỏe cho người dân trên địa bàn đạt hiệu quả, chất lượng và theo đúng quy định.

- Rà soát, lập danh sách đối tượng; phân nhóm ưu tiên, bố trí lịch khám hợp lý.

- Chỉ đạo Trạm Y tế quản lý, cập nhật vào hệ thống phần mềm và kết xuất dữ liệu báo cáo theo yêu cầu và sẵn sàng kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu theo hướng dẫn của Sở Y tế; theo dõi, quản lý sức khỏe người dân.

- Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia khám theo lộ trình. Kiểm tra, giám sát hoạt động khám; bảo đảm chất lượng và đầy đủ nội dung theo quy định.

- Lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí theo quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện.

13. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng lao động

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định của pháp luật.

- Lựa chọn cơ sở đủ điều kiện để thực hiện khám; phối hợp cập nhật dữ liệu vào hồ sơ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID.

- Tuyên truyền, vận động người lao động tham gia khám đầy đủ.

- Bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ khám sức khỏe cho người lao động theo đúng quy định.

14. Các cơ sở y tế trên địa bàn

- Phối hợp UBND các xã, phường, đặc khu phân nhóm đối tượng ưu tiên và sắp xếp lịch khám đảm bảo phù hợp, tránh quá tải và thuận tiện cho người dân.

- Tổ chức khám đầy đủ các nội dung theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế để đánh giá tình trạng sức khỏe hoặc phân loại sức khỏe; phát hiện sớm nguy cơ mắc bệnh và người mắc bệnh theo nhóm đối tượng; tư vấn phòng bệnh, điều trị hoặc chuyển cơ sở khám bệnh, chữa bệnh phù hợp theo quy định.

- Tuân thủ các quy định về khám sức khỏe của Luật khám bệnh, chữa bệnh; Luật Phòng bệnh và các văn bản hướng dẫn thi hành của Luật khám bệnh, chữa bệnh và Luật Phòng bệnh.

- Thực hiện khám đúng quy định chuyên môn; bảo đảm điều kiện về nhân lực, thiết bị y tế, tổ chức tư vấn, chuyển tuyến khi cần thiết.

- Đảm bảo hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin, cấu hình phần mềm hệ thống cập nhật biểu mẫu khám theo đúng quy định; phân công nhân sự cập nhật

dữ liệu hệ thống và đảm bảo triển khai kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu, tích hợp trên ứng dụng VNeID theo hướng dẫn của Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, đồng bộ dữ liệu khám sức khỏe.

- Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập, y tế cơ sở là lực lượng nòng cốt chủ động tham gia hỗ trợ chuyên môn theo phân công.

- Huy động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập có đủ điều kiện tham gia khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc cho người dân theo kế hoạch của địa phương theo quy định.

- Các cơ sở Y tế công lập hàng năm có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện gửi về Sở Y tế tổng hợp.

15. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh: Theo chức năng, nhiệm vụ chủ động, tích cực phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia. Đồng thời, giám sát việc triển khai, phản ánh ý kiến, kiến nghị của người dân.

16. Phân công nhiệm vụ (cụ thể tại phụ lục 4 kèm theo).

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện; trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- Bảo hiểm xã hội tỉnh;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{LMC}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm

Phụ lục 1. Lộ trình thực hiện và nguồn kinh phí khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho đối tượng thuộc nhóm 1 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030

(Đơn vị tỷ đồng)

STT	Nhóm	Đối tượng	Số lượng	Kết quả	Thành tiền
1	Năm 2026				
	Nhóm 1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	65.968	100%	17,3
		Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	38.612	100%	10,2
		Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)	35.214	100%	1,3
					28,8
2	Năm 2027				
	Nhóm 1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	65.968	100%	17,3
		Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	38.612	100%	10,2
		Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)	35.214	100%	1,3
		Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi	106.136	100%	27,9
		Người thuộc hộ cận nghèo	35.572	100%	9,4
					66,1
3	Năm 2028				
	Nhóm 1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	65.968	100%	17,3
		Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	38.612	100%	10,2

		Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)	35.214	100%	1,3
		Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi	106.136	100%	27,9
		Người thuộc hộ cận nghèo	35.572	100%	9,4
		Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi	174.577	100%	45,9
		Người có công, người mắc bệnh mạn tính	40.104	100%	10,5
					122,5
	Năm 2029				
4	Nhóm 1	Người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên	65.968	100%	17,3
		Người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo	38.612	100%	10,2
		Trẻ em < 6 tuổi sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ trẻ em thuộc trường mầm non)	35.214	100%	1,3
		Người cao tuổi từ 70 đến dưới 80 tuổi	106.136	100%	27,9
		Người thuộc hộ cận nghèo	35.572	100%	9,4
		Người cao tuổi từ 60 đến dưới 70 tuổi	174.577	100%	45,9
		Người có công, người mắc bệnh mạn tính	40.104	100%	10,5
		Người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đặc khu (trừ những đối tượng trên)	267.067	100%	70,2

					192,7
5	Năm 2030				
	Nhóm 1	Người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, người có công, người mắc bệnh mạn tính, người sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, xã đảo, đặc khu	763.250	100%	192,7

Ghi chú:

1. Số lượng các nhóm, đối tượng thường xuyên thay đổi tùy theo từng thời điểm chốt số liệu.

2. Chi phí cho một lần khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân áp dụng theo Phụ lục 2.

**Phụ lục 2. Gói khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí
cho người dân**

1. Gói khám sức khỏe cho nhóm trẻ em dưới 6 tuổi (Không thực hiện cận lâm sàng) (theo Quyết định số 1284/QĐ-BYT ngày 07/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em dưới 6 tuổi)

STT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (đồng)	GHI CHÚ
1	Khám lâm sàng	Lần	36.500	
	Tổng cộng		36.500	

2. Gói khám sức khỏe cho các nhóm đối tượng còn lại (thực hiện theo Công văn số 3401/BYT-KCB ngày 12/5/2026 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn nội dung chuyên môn khám sức khỏe định kỳ cho người dân)

STT	NỘI DUNG	ĐVT	ĐƠN GIÁ (đồng)	GHI CHÚ
1	Khám lâm sàng	Lần	101.200	
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (Bảng máy đếm laser)	Lần	49.700	
3	Đo độ hoạt AST (GOT) [Máu]	Lần	22.400	
4	Đo độ hoạt ALT (GPT) [Máu]	Lần	22.400	
5	Định lượng Creatinin [Máu]	Lần	22.400	
6	Định lượng Ure máu [Máu]	Lần	22.400	
7	Định lượng Glucose [Máu]	Lần	22.400	
	Tổng cộng		262.900	

Phụ lục 3. Lộ trình thực hiện và nguồn kinh phí khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho đối tượng thuộc nhóm 2,3,4 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026-2030

STT	Nhóm	Đối tượng	Số lượng	Kết quả	Nguồn kinh phí thực hiện
1	Từ năm 2026				
	Nhóm 2	Trẻ em trong cơ sở giáo dục mầm non, học sinh trong các cơ sở phổ thông	453.751	100%	Các cơ sở giáo dục xây dựng dự toán kinh phí chi trả cho hoạt động kiểm tra sức khỏe đầu năm học cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 69 Nghị định 165/2026/NĐ-CP và theo quy định của pháp luật về công tác y tế trường học
	Nhóm 3	Người lao động	224.260	100%	Người sử dụng lao động chi trả chi phí khám sức khỏe định kỳ cho người lao động quy định tại điểm c khoản 2 Điều 69 Nghị định 165/2026/NĐ-CP và theo quy định pháp luật về lao động, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động
	Nhóm 4	Các đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý		100%	Các đơn vị tự lập dự toán theo Ngân sách nhà nước chi trả cho đối tượng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 69 Nghị định 165/2026/NĐ-CP và theo phân cấp ngân sách hiện hành

Phụ lục 4. Phân công nhiệm vụ

STT	Đơn vị	Thời gian	Nhiệm vụ	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
1.	Sở Y tế	Thường xuyên	Chủ trì triển khai kế hoạch; hướng dẫn chuyên môn; ban hành biểu mẫu báo cáo	Các sở, ngành, UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản hướng dẫn, biểu mẫu
		Trước 30/9 hàng năm	Tổng hợp số liệu nhóm: Người cao tuổi, người khuyết tật	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu đối tượng phụ trách
		Tháng 10 hàng năm	Rà soát, tổng hợp số liệu của các đơn vị, địa phương	Các sở, ngành, địa phương	Báo cáo tổng hợp
		Trước 15/11	Báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và dự trù kinh phí năm sau	Sở Tài chính	Báo cáo + dự toán
2.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trước 30/9 hàng năm	Tổng hợp số liệu khám sức khỏe của đối tượng thuộc nhóm 2	Các cơ sở giáo dục	Báo cáo số liệu đối tượng phụ trách
3.	Sở Nội vụ	Trước 30/9 hàng năm	Tổng hợp số liệu khám sức khỏe của đối tượng thuộc nhóm 3	BHXXH tỉnh, các doanh nghiệp	Báo cáo số liệu đối tượng phụ trách
4.	Công an tỉnh	Trước 30/10 hàng năm	- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026. - Tổng hợp số liệu người dân đã được khám sức khỏe và đã được tích hợp trên	Đơn vị trực thuộc	Tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành

STT	Đơn vị	Thời gian	Nhiệm vụ	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm
			ứng dụng VnelD gửi Sở Y tế		
5.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Trước 30/9 hàng năm	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 70 Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026	Đơn vị trực thuộc	Tổ chức thực hiện nhiệm vụ của ngành
6.	UBND xã, phường, đặc khu	Trước 30/9 hàng năm	Tổng hợp số liệu nhóm 1	Các đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu trên địa bàn
7.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trước 30/9 hàng năm	Rà soát đối tượng thuộc hộ nghèo/cận nghèo	UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan	Báo cáo số liệu đối tượng phụ trách
8.	Sở Tài chính	Tháng 11–12 hàng năm	Thẩm định nhu cầu kinh phí; tham mưu cấp có thẩm quyền theo quy định	Sở Y tế, địa phương	Dự toán ngân sách

Các đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu báo cáo; số liệu bao gồm tối thiểu: tổng số đối tượng quản lý, số người đã được khám sức khỏe, tỷ lệ, nhu cầu khám năm tiếp theo.